

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/DS-ST

Ngày: 30-9-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Tiến.

Bà Nguyễn Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Tòa nhà HM Town 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H. Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm quản lý & Thu hồi nợ.

Ủy quyền lại: Nguyễn Ngọc Tuyết N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: số 143 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Thị L, sinh năm 1967.

Trần Văn D, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị N xin vắng mặt; bà L, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B là chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

Ngày 05/9/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị L, ông Trần Văn D có ký hợp đồng tín dụng số 0898/03118/01B_HDTD.TC cho bà L, ông D vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; hạn trả cuối cùng: 07/9/2021; mục đích: Tiêu dùng phục vụ đời sống; lãi suất cho vay 11%/năm; phương thức trả nợ: Trả vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần với số tiền 833.333 đồng, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 15/10/2018, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 833.345 đồng. Bà L, ông D đã được Ngân hàng giải ngân theo giấy đề nghị giải ngân và nhận nợ theo giấy nhận nợ ngày 07/9/2018. Sau đó, bà L, ông D đã trả cho Ngân hàng được tiền vốn và lãi đến ngày 16/01/2021 là 13.333.341 đồng vốn và tiền lãi 4.520.946 đồng thì không trả cho Ngân hàng khoản tiền nào nữa. Hiện tại dư nợ tính đến ngày 12/4/2021 bà L, ông D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 16.666.659 đồng, tiền lãi trong hạn 4.067.574 đồng, tiền lãi quá hạn 1.187.772 đồng, tiền lãi chậm trả 233.927 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 22.155.932 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Trần Thị L và ông Trần Văn D trả cho Ngân hàng số tiền 22.155.932 đồng, tính đến ngày 12/4/2021, trong đó vốn gốc là 16.666.659 đồng, tiền lãi và lãi phạt 2.897.831 đồng; yêu cầu bà L và ông D phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/4/2021 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0898/03118/01B_HDTD.TC ngày 05/9/2018 đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Trần Thị L, ông Trần Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L, ông D nhưng bà L, ông D không đến Tòa án và cũng không gửi bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L, ông Trần Văn D trả số tiền vay 16.666.659 đồng và tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú

tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét đại diện ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị L, ông Trần Văn D đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị N, bà L, ông D.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu bà Trần Thị L, ông Trần Văn D trả số tiền 16.666.659 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 05/9/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Trần Thị L, ông Trần Văn D có ký hợp đồng tín dụng số 0898/03118/01B_HDTD.TC cho bà L, ông D vay số tiền 30.000.000 đồng; thời hạn vay: 36 tháng; hạn trả cuối cùng: 07/9/2021; mục đích: Tiêu dùng phục vụ đời sống; lãi suất cho vay 11%/năm; phương thức trả nợ: Trả vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần, trả nợ gốc vào ngày 15 định kỳ 01 tháng/lần với số tiền 833.333 đồng, kỳ trả gốc đầu tiên vào ngày 15/10/2018, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 833.345 đồng. Bà L, ông D đã được Ngân hàng giải ngân theo giấy đề nghị giải ngân và nhận nợ theo giấy nhận nợ ngày 07/9/2018. Sau đó, bà L, ông D đã trả cho Ngân hàng được tiền vốn và lãi đến ngày 16/01/2020 là 13.333.341 đồng vốn và tiền lãi 4.520.946 đồng thì không trả cho Ngân hàng khoản tiền nào nữa, nên Ngân hàng khởi kiện. Tính đến ngày 30/9/2021 bà L, ông D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 16.666.659 đồng, tiền lãi trong hạn 5.613.601 đồng, tiền lãi quá hạn 451.404 đồng, tiền lãi chậm trả 2.263.660 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 24.995.324 đồng.

[3.2] Phía bà L, ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L, ông D không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa, cho thấy bà L, ông D đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xin vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L, ông D trả cho Ngân hàng số tiền gốc 16.666.659 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà L, ông D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 16.666.659 đồng, bà L, ông D đã vi phạm nghĩa vụ cho Ngân hàng nên buộc bà L, ông D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn 16.666.659 đồng.

[3.3] Về yêu cầu tính lãi: Ngân hàng yêu cầu bà L, ông D trả lãi đến ngày 30/9/2021 số tiền lãi trong hạn 5.613.601 đồng, tiền lãi quá hạn 451.404 đồng, tiền lãi chậm trả 2.263.660 đồng, tổng cộng là 8.328.665 đồng là có cơ sở. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 0898/03118/01B_HDTD.TC ngày 05/9/2018,

Giấy nhận nợ số 01/0898/03118/01B_HDTD.TC ngày 07/9/2018, bà L, ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng nên cần buộc bà L, ông D trả cho Ngân hàng số tiền lãi là 8.328.665 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi bà L, ông D phải trả cho Ngân hàng là 24.995.324 đồng.

[3.4] Về thời gian trả tiền: Ngân hàng yêu cầu bà L, ông D trả số tiền vốn 16.666.659 đồng và tiền lãi 8.328.665 đồng là có cơ sở chấp nhận vì bà L, ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Hội đồng xét xử buộc bà L, ông D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn 16.666.659 đồng và tiền lãi 8.328.665 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Bà L, ông D phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 90, Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng.

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc bà Trần Thị L, ông Trần Văn D có nghĩa vụ L đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt số tiền vốn 16.666.659 đồng và tiền lãi 8.328.665 đồng (bao gồm tiền lãi trong hạn 5.613.601 đồng, tiền lãi quá hạn 451.404 đồng, tiền lãi chậm trả 2.263.660 đồng), tổng cộng 24.995.324 đồng (Hai mươi bốn triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi bốn đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/10/2021 bà Trần Thị L, ông Trần Văn D tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 0898/03118/01B_HDTD.TC ngày 05/9/2018, Giấy nhận nợ số 01/0898/03118/01B_HDTD.TC ngày 07/9/2018.

Về án phí: Bà Trần Thị L, ông Trần Văn D phải L đới chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B 554.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00173666 ngày 09/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Xuân